

## Chờ tín hiệu bứt phá

### Thông tin chỉ số VN30

Sau 2 phiên tăng trưởng liên tiếp, Chỉ số VN30-Index ghi nhận phiên điều chỉnh 0.41% về mức 2,085 điểm. Theo đó, áp lực bán xuất hiện trên VRE (-2.66%), VJC (-1.73%), SSB (-1.67%), HPG (-1.62%), FPT (-1.61%), VHM (-1.60%), và GAS (-1.23%). Ở chiều ngược lại, lực cầu xuất hiện trên PLX (+6.12%), VNM (+3.97%), GVR (+2.63%), SAB (+2.35%), và BID (+2.31%).

### Đồ thị VN30 Future: Chờ tín hiệu bứt phá

Thị trường phát đi tín hiệu tiêu cực khi phiên giảm kèm khối lượng gia tăng, điều này hàm ý về tín hiệu bán ngắn hạn. Đặc biệt là khi hợp đồng kiểm định vùng đỉnh cao lịch sử trước đó, vùng 2,090-2,100 điểm.

Tuy nhiên, xu hướng tăng vẫn đang được duy trì khi Hợp đồng vẫn đóng cửa trên đường trung bình động 10 kỳ. Vì thế, cần quan sát thêm các tín hiệu xác nhận để xác định xu hướng tăng sẽ tiếp tục.

Trong phiên tới, ngưỡng hỗ trợ quan trọng là vùng 2,020-2,050 điểm, vùng này trùng với đường trung bình 20 kỳ. Bên cạnh đó, ngưỡng kháng cự là vùng 2,100 điểm.

### Chiến lược đầu tư

Tuy có nhiều tín hiệu tích cực nhưng nhà đầu tư vẫn cần theo dõi thêm các tín hiệu để xác nhận xu hướng. Vì thế, nhà đầu tư cần thận trọng quan sát thêm các tín hiệu trước khi mở lại vị thế.

**Bảng 1. Thống kê hợp đồng tương lai** (điểm, %, hợp đồng)

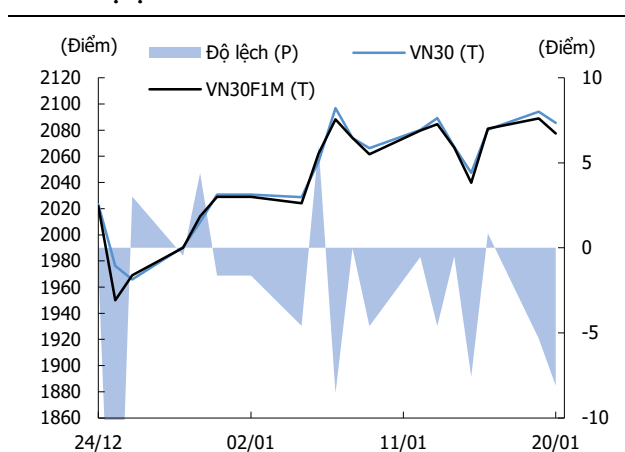
|            | Giá đóng cửa | +/- % | KL giao dịch | KL Mở    | G.trị hợp lý | Ngày thanh toán |
|------------|--------------|-------|--------------|----------|--------------|-----------------|
| VN30 Index | 2,085.6      | -0.4  |              |          |              |                 |
| VN30F1M    | 2,077.5      | -0.5  | 316,671.0    | 31,755.0 | 2,095.5      | 2/13/2026       |
| VN30F2M    | 2,072.5      | -0.8  | 605.0        | 961.0    | 2,110.8      | 3/19/2026       |
| VN30F1Q    | 2,073.6      | -0.3  | 47.0         | 320.0    | 2,130.9      | 6/18/2026       |
| VN30F2Q    | 2,083.1      | 0.4   | 31.0         | 44.0     | 2,155.2      | 9/17/2026       |

Nguồn: Bloomberg, KIS Research

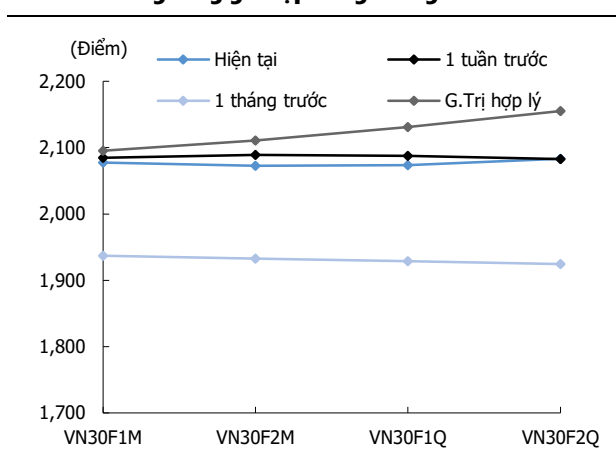
Research Dept  
Researchdept@kisvn.vn

**Hình 1. Đồ thị nến theo ngày - VN30F1M**

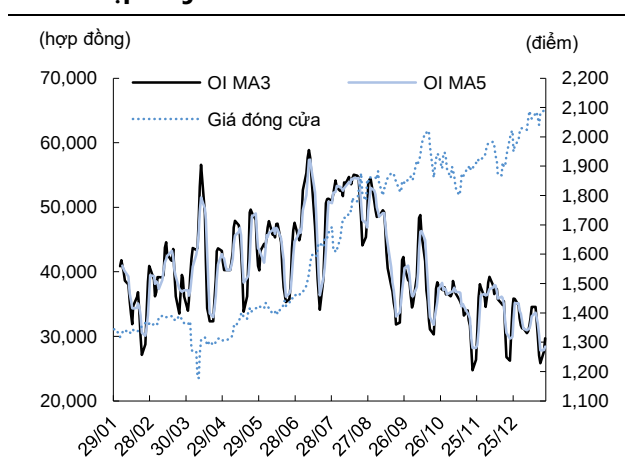
Nguồn: Bloomberg, KIS Research

**Hình 2. Độ lệch**

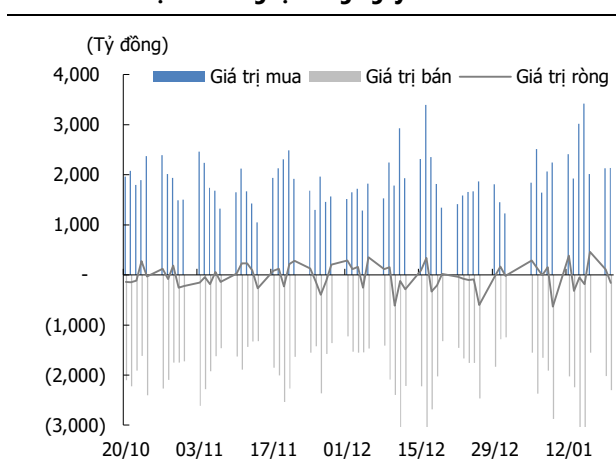
Nguồn: Bloomberg, KIS Research

**Hình 3. Đường cong giá hợp đồng tương lai**

Nguồn: Bloomberg, KIS Research

**Hình 4. Hợp đồng mở**

Nguồn: Bloomberg, KIS Research

**Hình 5. Giao dịch khối ngoại hàng ngày**

Nguồn: Bloomberg, KIS Research

**Bảng 2. Danh sách cổ phiếu VN30**

(Tỷ đồng, đồng, %, x, nghìn CP)

| Mã  | Tên                   | Ngành            | Vốn hóa     | Tỷ trọng | Giá đóng cửa | % ngày | PER   | PBR | KLGD 3 tháng | SH Nước Ngoài | Cao 52 Tuần | Thấp 52 Tuần |
|-----|-----------------------|------------------|-------------|----------|--------------|--------|-------|-----|--------------|---------------|-------------|--------------|
| ACB | ACB                   | Tài chính        | 128,673.2   | 2.1      | 25,050       | -0.2   | 7.4   | 1.4 | 10.8         | 30.0          | 29,500      | 18,043       |
| BCM | Becamex IDC           | Tài chính        | 82,800.0    | 1.3      | 80,000       | 1.5    | 22.6  | 3.9 | 0.5          | 1.4           | 83,700      | 49,800       |
| BID | BIDV                  | Tài chính        | 373,536.5   | 6.0      | 53,200       | 2.3    | 14.1  | 2.3 | 4.8          | 17.1          | 55,300      | 31,200       |
| BVH | Tập đoàn Bảo Việt     | Tài chính        | 54,189.6    | 0.9      | 73,000       | 2.4    | 20.2  | 2.2 | 0.7          | 26.4          | 78,000      | 39,100       |
| CTG | VietinBank            | CNTT             | 307,959.4   | 5.0      | 39,650       | -0.9   | 9.2   | 1.8 | 13.7         | 26.1          | 43,500      | 23,369       |
| FPT | FPT Corp              | Dịch vụ tiện ích | 177,335.1   | 2.9      | 104,100      | -1.6   | 19.7  | 5.0 | 8.3          | 46.0          | 135,652     | 85,043       |
| GAS | PV Gas                | Nguyên vật liệu  | 252,153.2   | 4.1      | 104,500      | -1.2   | 20.8  | 3.9 | 1.8          | 1.9           | 110,900     | 49,320       |
| GVR | Tập đoàn CN Cao su VN | Tài chính        | 156,000.0   | 2.5      | 39,000       | 2.6    | 24.9  | 2.7 | 3.8          | 0.5           | 40,650      | 21,700       |
| HDB | HDBank                | Nguyên vật liệu  | 144,902.8   | 2.3      | 28,950       | 0.7    | 9.0   | 2.0 | 22.9         | 17.6          | 29,800      | 13,879       |
| HPG | Hòa Phát              | Nguyên vật liệu  | 209,156.4   | 3.4      | 27,250       | -1.6   | 14.5  | 1.7 | 34.5         | 24.6          | 30,850      | 17,750       |
| MBB | MBBank                | Tài chính        | 220,707.0   | 3.5      | 27,400       | -0.4   | 9.1   | 1.7 | 28.2         | 23.2          | 29,500      | 14,735       |
| MSN | Tập đoàn Masan        | TD thiết yếu     | 115,673.2   | 1.9      | 80,000       | -0.2   | 36.1  | 3.6 | 7.0          | 28.7          | 94,000      | 50,300       |
| MWG | Thế giới di động      | không thiết yếu  | 127,147.3   | 2.0      | 86,000       | -0.8   | 21.8  | 4.0 | 6.7          | 47.3          | 90,000      | 45,750       |
| PLX | Petrolimex            | Bất động sản     | 74,964.9    | 1.2      | 59,000       | 6.1    | 30.1  | 2.9 | 3.6          | 17.7          | 59,400      | 30,950       |
| LPB | LPB                   | Tài chính        | 126,511.4   | 2.0      | 42,350       | 1.9    | 11.1  |     | 2.2          |               | 54,700      | 29,000       |
| SAB | SABECO                | Năng lượng       | 67,078.0    | 1.1      | 52,300       | 2.3    | 15.9  | 3.0 | 1.6          | 60.8          | 57,100      | 41,500       |
| SHB | SHB                   | Tài chính        | 76,025.8    | 1.2      | 16,550       | 0.3    | 6.4   | 1.2 | 71.7         | 3.1           | 19,450      | 8,092        |
| SSB | SeABank               | Dịch vụ tiện ích | 50,356.5    | 0.8      | 17,700       | -1.7   | 7.8   | 1.3 | 2.7          | 0.1           | 23,800      | 16,600       |
| SSI | Chứng khoán SSI       | TD thiết yếu     | 81,209.8    | 1.3      | 32,600       | -0.2   | 19.1  | 2.4 | 33.7         | 42.7          | 40,214      | 18,764       |
| STB | Sacombank             | Tài chính        | 109,531.0   | 1.8      | 58,100       | -0.3   | 8.9   | 1.7 | 11.0         | 23.1          | 61,300      | 32,400       |
| TCB | Techcombank           | Tài chính        | 254,750.3   | 4.1      | 35,950       | -1.0   | 10.1  |     | 13.3         | 21.7          | 42,500      | 22,300       |
| TPB | TPBank                | Tài chính        | 48,407.1    | 0.8      | 17,450       | 0.6    | 7.4   | 1.2 | 10.3         | 28.3          | 21,714      | 10,571       |
| VCB | Vietcombank           | Tài chính        | 614,142.1   | 9.9      | 73,500       | 1.1    | 17.5  | 2.8 | 6.1          | 23.3          | 78,800      | 52,000       |
| VHM | Vinhomes              | Tài chính        | 505,211.7   | 8.1      | 123,000      | -1.6   | 19.3  | 2.3 | 6.7          | 16.0          | 150,900     | 37,600       |
| VIB | VIBBank               | Bất động sản     | 61,442.3    | 1.0      | 18,050       | -0.6   | 8.1   | 1.4 | 6.2          | 20.5          | 24,800      | 14,298       |
| VIC | VinGroup              | Bất động sản     | 1,240,671.0 | 19.9     | 161,000      | -0.6   | 135.3 | 8.5 | 7.1          | 11.2          | 190,000     | 19,925       |
| VJC | Vietjet Air           | Công nghiệp      | 98,464.9    | 1.6      | 181,800      | -1.7   | 62.6  | 4.4 | 2.2          | 16.5          | 220,000     | 77,100       |
| VNM | VINAMILK              | TD thiết yếu     | 153,402.7   | 2.5      | 73,400       | 4.0    | 19.8  | 4.5 | 5.4          | 50.0          | 75,500      | 51,400       |
| VPB | VPBank                | Tài chính        | 236,034.2   | 3.8      | 29,750       | 0.3    | 9.8   | 1.4 | 21.6         | 26.7          | 38,900      | 15,150       |
| VRE | Vincom Retail         | Bất động sản     | 70,782.7    | 1.1      | 31,150       | -2.7   | 14.5  | 1.5 | 11.6         | 24.9          | 45,200      | 16,150       |

Nguồn: Bloomberg, KIS Research

## Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2026 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.